

## NHÀ Ở CỔ TRUYỀN CỦA NGƯỜI BNOONG

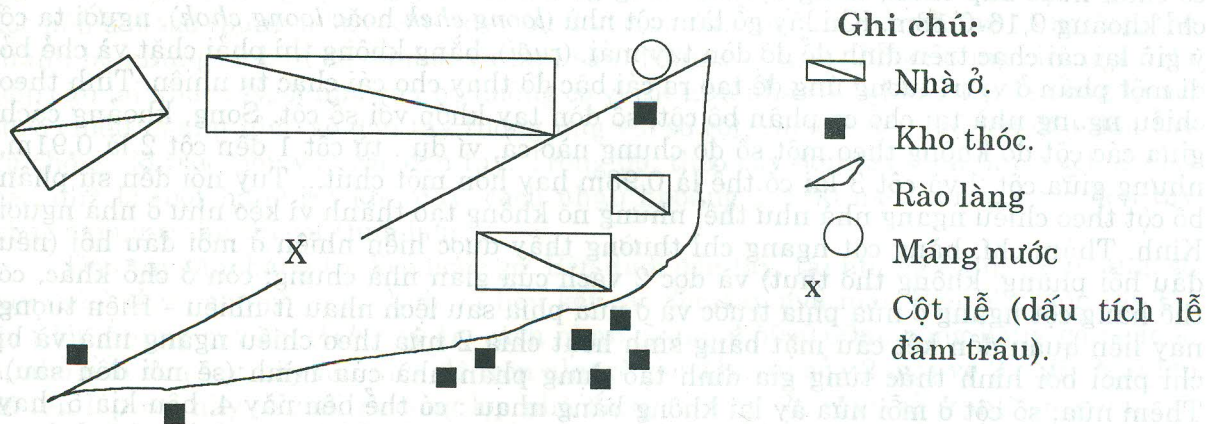
LƯU HÙNG

**B**noong(1) là một nhóm có dân số khoảng 10.000 người (năm 1992 : 9788 người). Từ rất lâu đời tới nay, họ cư trú trong khu vực quần sơn Ngọc Linh, phần đông tập trung ở huyện Phước Sơn, một số khác ở huyện Trà My, thuộc tỉnh Quảng Nam.

Hiểu biết của giới dân tộc học về người Bnoong còn rất ít : Mới thấy lác đác đôi bài viết cung cấp một số tư liệu ban đầu(2). Trong khi đó, tuy hiện tại Bnoong được xác định là một nhóm của dân tộc Gié-Triêng, nhưng liên quan đến vị trí của nhóm này trong danh mục thành phần dân tộc nước ta, vẫn có một số điểm đáng được nghiên cứu kỹ hơn, đặc biệt bởi về lịch sử tộc người của họ đang còn những điều chưa sáng tỏ, và giữa ý thức tự giác tộc người của họ với việc nhập họ vào cộng đồng Gié-Triêng lâu nay dường như vẫn có độ chênh nào đó.

Cũng như các tộc Thượng khác ở vùng Trường Sơn - Tây Nguyên, người Bnoong đã và đang thay đổi nhiều và nhanh về mọi mặt. Riêng trong lĩnh vực nhà cửa cũng vậy. Kiểu nhà cổ truyền Bnoong chỉ có thể quan sát được khá rõ nét tại ít làng hẻo lánh 15-20 năm trước. Khi viết về nhóm Bnoong năm 1979, tác giả Vũ Lợi có dành 3/4 một trang tạp chí cho nội dung về nhà cửa(3). Kể từ đó, chưa thấy có gì thêm nữa. Là đồng nghiệp và bạn đồng hành với Vũ Lợi trong chuyến điền dã đầu năm 1978 ở vùng người Bnoong tại Phước Sơn, tôi muốn qua bài viết này góp thêm chút tư liệu, có phần giúp ích cho những ai nghiên cứu về nhà cửa, về người Bnoong cũng như về dân tộc Gié-Triêng.

Khái niệm ngôi nhà ở được người Bnoong thể hiện trong ngôn ngữ không đồng nhất giữa các nơi : Cùng trong một huyện Phước Sơn, có nơi gọi là *xâu* (như ở xã Phước Hiệp), hay là *xu* (Phước Thành), có nơi lại gọi là *nhĩa* (Phước Công, Phước Kim, Phước Chánh). Tuy vậy, theo nếp truyền thống chung cho tất cả người Bnoong, họ đều ở nhà dài, tương tự tập quán của nhiều tộc Thượng khác. Thêm nữa, cũng như phong tục xưa của người Gié, người Co, nhà người Bnoong thường dài đủ chứa các hộ dân làng, để cả làng quần tụ trong một ngôi nhà (người Kinh ở địa phương quen gọi loại nhà này là "nóc"). Ở đây có sự trùng hợp giữa làng với nóc, và tên gọi của làng với tên gọi của nóc có thể dùng thay thế cho nhau(4). Người già còn nhớ, ngôi nhà ở làng Xà - giếng chẳng hạn từng chứa tới khoảng năm chục gia đình. Cho đến sau ngày giải phóng miền Nam (1975), ở Phước Sơn đã vắng bóng kiểu làng một nóc, thay vào đó là kết cấu làng gồm 3-4 nhà trở lên, nhưng còn phổ biến hình thức nhiều hộ cư trú chung. Năm 1978, làng Dòn (Phước Chánh) có 4 nhà ở thì 1 nhà 11 hộ, còn 3 hộ mới nhập đều làm nhà riêng; tại xã Phước Kim, làng Song Mái có 4 nhà, trong đó 1 nhà 8 hộ, 1 nhà 7 hộ, 2 nhà còn lại mỗi nhà 2 hộ, làng Luôn có 9 nhà, 3 nhà dài nhất cũng có 4 hộ... Cũng vào thời điểm ấy, ở làng Chà Vang (Phước Thành) vẫn tồn tại ngôi nhà dài 20,25m của 25 hộ, với 3 ngôi nhà ngắn nữa. Bố trí khu vực cư trú của làng này như sau (xem sơ đồ 1):



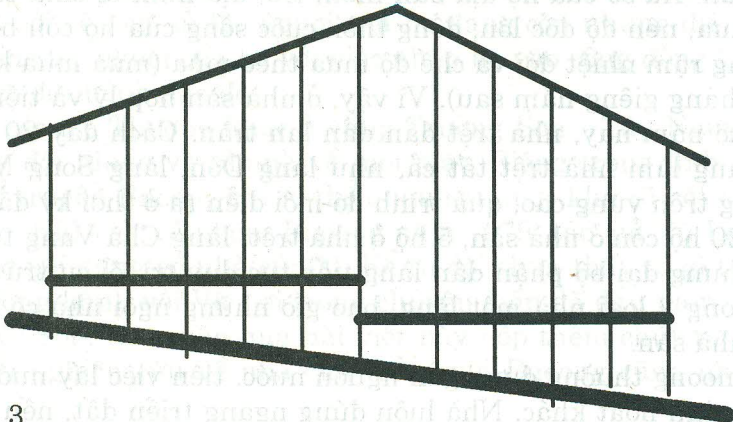
Sơ đồ 1 : Khu gia cư làng Chà Vang.

Hoà trong tập quán của đa số cư dân bản địa Trường Sơn - Tây Nguyên, người Bnoong ở nhà sàn; trên sàn dành cho người, còn dưới gầm sàn là chỗ trú ngụ của lợn, gà và là nơi trữ củi đun. Xứ sở của họ địa bàn hiểm trở, địa hình bị chia cắt mạnh do vận động địa chất xa xưa, nên độ dốc lớn; đồng thời, cuộc sống của họ còn bị chi phối nhiều bởi môi trường rừng rậm nhiệt đới và chế độ mưa theo mùa (mùa mưa kéo dài từ tháng 7 năm trước đến tháng giêng năm sau). Vì vậy, ở nhà sàn hợp lý và tiện lợi rõ rệt. Tuy nhiên, từ mấy chục năm nay, nhà trệt dần dần lan tràn. Cách đây 20 năm, có những làng đã chuyển sang làm nhà trệt tất cả, như làng Dòn, làng Song Mãi (đã nói tới); nhưng ở nhiều làng trên vùng cao, quá trình đó mới diễn ra ở thời kỳ đầu, ví dụ : Trong 25 hộ làng Luôn, 20 hộ còn ở nhà sàn, 5 hộ ở nhà trệt; làng Chà Vang tuy đã xuất hiện 3 ngôi nhà trệt, nhưng đại bộ phận dân làng tiếp tục duy trì lối cư trú nhà sàn. Trong trường hợp song song 2 loại nhà một làng, bao giờ những ngôi nhà có nhiều hộ chung sống hơn cũng là nhà sàn.

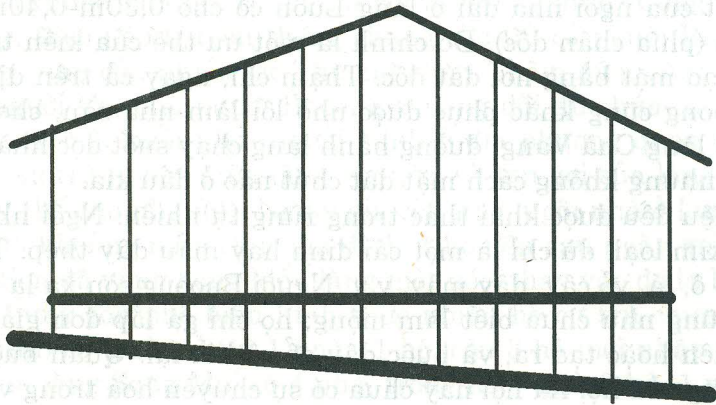
Nhà người Bnoong thường dựng gần nguồn nước, tiện việc lấy nước ăn uống và có nước dùng cho các sinh hoạt khác. Nhà luôn đứng ngang triền đất, nếu ở bên sông suối thì chiều dài nhà phải không cắt ngang hướng của dòng chảy. Do mặt đất dốc, nên độ cao sàn nhà chênh lệch khá nhiều nếu đo tại các vị trí khác nhau, ví dụ : số đo khoảng cách từ sàn đến đất của ngôi nhà dài ở làng Luôn có chỗ 0,30m-0,40m (về phía đỉnh dốc), có chỗ hơn 2m (phía chân dốc). Đó chính là một ưu thế của kiến trúc nhà sàn khi phải xử lý vấn đề tạo mặt bằng nơi đất dốc. Thậm chí, ngay cả trên địa hình dốc theo dọc nhà, người Bnoong cũng khắc phục được nhờ lối làm nhà sàn, cho nên trong một ngôi nhà dài khác ở làng Chà Vang, đường hành lang chạy suốt dọc nhà cao 0,60m trên mặt đất ở đầu này, nhưng không cách mặt đất chút nào ở đầu kia.

Toàn bộ vật liệu đều được khai thác trong rừng tự nhiên. Ngôi nhà không có một bộ phận nào bằng kim loại, dù chỉ là một cái đinh hay mẩu dây thép. Tất cả đều dùng thảo mộc : gỗ, tre lồ ô, lá, vỏ cây, dây mây, v.v. Người Bnoong còn xa lạ với các kỹ thuật cửa, xẻ, đục, bào, cũng như chưa biết làm mộng; họ chỉ gá lắp đơn giản với biện pháp dùng ngoàm tự nhiên hoặc tạo ra, và buộc dây để cố kết lại. Quán buộc bằng các loại dây rừng là sở trường của họ. Xã hội này chưa có sự chuyên hoá trong việc làm nhà cửa : chưa có thợ như thợ mộc ở người Kinh, chưa có bộ đồ mộc riêng biệt. Đàn ông đều biết làm nhà, còn công cụ thì không ngoài cái rìu, con dao quắm và dao nhọn - như để làm nhiều việc khác - ngoài ra có thêm cái thuổng đào lỗ chôn cột.

Nhà người Bnoong đều chôn cột. Cột gỗ nguyên cây, thường để nguyên cả vỏ, to cỡ cổ chân hoặc bắp chân, riêng cột cái trong gian nhà chung lớn nhất, đường kính cũng chỉ khoảng 0,16-0,18m. Khi lấy gỗ làm cột nhà (*loong chek* hoặc *loong chok*), người ta cố ý giữ lại cái chạc trên đỉnh để đỡ đòn tay mái, (*ruôi*), bằng không thì phải chặt và chẻ bỏ đi một phần ở vị trí tương ứng để tạo ra cái bậc đỡ thay cho cái chạc tự nhiên. Tính theo chiều ngang nhà tại chỗ có phân bố cột, số đòn tay khớp với số cột. Song, khoảng cách giữa các cột đó không theo một số đo chung nào cả, ví dụ : từ cột 1 đến cột 2 là 0,91m, nhưng giữa cột 2 và cột 3 lại có thể là 0,98m hay hơn một chút... Tuy nói đến sự phân bố cột theo chiều ngang nhà như thế, nhưng nó không tạo thành vì kèo như ở nhà người Kinh. Thậm chí, hàng cột ngang chỉ thường thấy được hiển nhiên ở mỗi đầu hồi (nếu đầu hồi phẳng, không thò thụt) và dọc 2 vách của gian nhà chung; còn ở chỗ khác, có thể hàng cột ngang ở nửa phía trước và ở nửa phía sau lệch nhau ít nhiều - Hiện tượng này liên quan đến kết cấu mặt bằng sinh hoạt chia 2 nửa theo chiều ngang nhà và bị chi phối bởi hình thức từng gia đình tạo dựng phần nhà của mình (sẽ nói đến sau). Thêm nữa, số cột ở mỗi nửa ấy lại không bằng nhau : có thể bên này 4, bên kia 5, hay bên này 5, bên kia 6 (xem sơ đồ 2). Đối với những ngôi nhà không có đường hành lang xuyên thông 2 đầu (có lẽ là kiểu nhà xuất hiện chưa lâu lắm), có 2 điểm khác về khía cạnh đang đề cập : 1, có cột chống nóc; 2, số cột cân đối giữa 2 nửa : trước và sau (xem sơ đồ 3).



Sơ đồ 2 : Hàng cột ở nhà dài làng Chà Vang



Sơ đồ 3 : Hàng cột ở nóc ông Nhoang (làng Luôn)

Nhà kiểu cổ truyền vùng Trường Sơn - Tây Nguyên nói chung thường kết cấu trên cơ sở vì cột, với 2 hàng cột đứng 2 bên dọc chiều dài nhà, trên đầu mỗi hàng đó có cây xà dọc liên kết tạo thành một vì cột, rồi giữa 2 vì này được bắc nối bởi những sà ngang, tạo thành bộ khung cơ bản để đỡ mái và làm sàn. Nhưng ở người Bnoong mà chúng tôi đã tiếp cận lại khác: Ngôi nhà của họ không có vì cột như nhà của những tộc Thượng khác; theo chiều ngang nhà, số đòn tay tương ứng với số cột, các cột đều dài lên đến đòn tay và chống đỡ trực tiếp vào các đòn tay. Trong đó, theo cây đòn tay trên đầu vách 2 mặt bên nhà là một hàng cột khá dày, cách nhau khoảng 1-1,50 mét, còn với các đòn tay khác ở phía trong thì cột thưa hơn.

Đòn tay làm bằng tre lồ ô hoặc gỗ. Bên dưới đòn tay, tại những hàng cột ngang, có cây "kèo" (*keh*) góp phần cố định và liên kết các đòn tay mỗi mái. Bên trên đòn tay là một lớp những cây rui (*keh* hay *ke*) cách nhau chừng 0,50-0,60m, cũng bằng gỗ hoặc lồ ô, nhỏ hơn đòn tay; cây nóc nhỏ, dè trên như rẽ các đầu rui của 2 mái về 2 phía. Mái lợp dè lên lớp rui này. Người Bnoong lợp nhà bằng lá mây (*la rây*), cỏ tranh (*la xlua*), và một loại lá có tên gọi là *la xep*, có nơi lợp lá cọ. Nếu dùng cỏ tranh, họ kẹp thành từng tấm dài khoảng 1,50m để lợp. Nếu dùng lá mây hoặc lá *xep* thì họ kết bằng dây mây 2-3 đường để tạo thành từng tấm dài như lá cót rồi trải từ nóc xuống chân mái. Cứ 2 cành lá mây chập làm một, bề lá xuôi cả về phía dưới, cọng lá quay về phía trên, hàng trên cách hàng dưới chỉ 0,04-0,05 mét. Lá *xep* là lá một loại cây thân gỗ trong rừng, to như lá mít nhưng dài khoảng 0,20m; từng chiếc được gập đôi lại ôm lấy một thanh lồ ô nhỏ làm cốt dài chừng 1,5m và được khâu bằng dây mây cho không bung ra được, lần lượt lá này dè chớm một ít sang lá kia, tạo thành từng kẹp lá, rồi người ta cũng dùng dây mây kết nối chúng lại theo lối lợp để có được những tấm phen lá dài như làm với lá mây và đem lợp nhà - Khi lợp, người ta đặt mặt có cuống lá ở phía trên, trực diện với mưa nắng. Nhà người Bnoong là kiểu nhà 2 mái. Khi lợp bằng loại tấm phen lá như vừa nói, lợp đến đâu kín suốt từ trên xuống dưới ngay đến đáy, khác kiểu lợp bằng cỏ tranh tiến dần từ dưới lên. Tấm sau dè sang một phần tấm vừa lợp trước. Nó cho phép từng gia đình đều biến đoạn dưới của một tấm phen lá nào đó thành ô cửa mở chếch lên trời để khắc phục tình trạng trong nhà tối và thiếu thông thoáng: Họ chỉ việc dùng khúc lồ ô, buộc cố định vào mặt dưới của một mép dọc của phen lá ấy, đầu trên khúc lồ ô có con sỏ xuyên ngang buộc cố định vào 2 cây rui ở 2 bên, còn ở đầu dưới có thể nâng lên dễ dàng nhờ đoạn cây dài khoảng 0,60-0,80m chống vào đầu vách nhà, khi mưa gió thì hạ xuống cho mái kín trở lại.

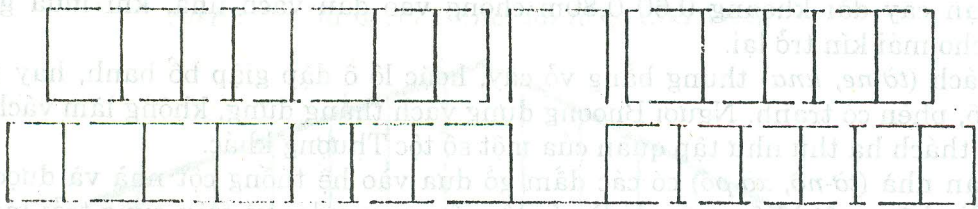
Vách (*tờ-ne*, *kna*) thưng bằng vỏ cây, hoặc lồ ô đập giập bổ banh, hay phen đan nan lồ ô, phen cỏ tranh. Người Bnoong dựng vách thẳng đứng, không làm vách nghiêng thượng thách hạ thu như tập quán của một số tộc Thượng khác.

Sàn nhà (*tờ-nô*, *xờ-pô*) có các dầm gỗ dựa vào hệ thống cột nhà và được nâng đỡ bởi những cột khác, trên đó là các lớp cây ngang dọc và trên cùng trải một lớp lồ ô đập giập bổ banh. Ở gian chung cũng như trong chỗ ở của mỗi hộ, mặt sàn đều được trải theo kiểu đặt lồ ô cùng chiều dọc ngôi nhà. Để lên và xuống, người Bnoong thường dùng thang là khúc gỗ đẽo thành những bậc, hoặc bắc mấy cây tre hay gỗ tạo nên cái sàn thấp trước cửa. Do mái xuống thấp, vách thấp, nên cửa ra vào (*plo*) ở mặt bên nhà chỉ cao khoảng 0,80-1,00 mét, còn chiều rộng cũng thường trong khoảng 0,60-0,70 mét. Cánh cửa là một tấm phen đan nhằm chắn gió và ngăn gà vào nhà, mép trên được buộc gắn với một ống tre có dây xuyên căng ngang để dễ dàng đẩy qua đẩy lại khi đóng, mở.

Một đặc điểm cư trú theo nếp cổ truyền Bnoong là nhà công cộng (*chơng*, *tà-nơng*) nằm ngay trong nhà dài của dân làng, chiếm trọn một gian, thông ngang nhà.

Tại làng Chà Vang đã nói tới, nó rộng  $36m^2$  ( $9,40m \times 3,80m$ ), lọt vào vị trí gần như trung độ của ngôi nhà dài(5); trong lòng có 2 cột lớn(6): một chống lên đòn tay thứ 4 ở mái trước và một chống lên đòn tay thứ 3 ở mái sau (tính từ phía chân mái lên), giữa 2 cột đó - trên mặt sàn - là một bếp lửa, dưới mái treo 3 cái trống, trên vách cài những sọ trâu di vật sau các lễ hội chung có đâm trâu cúng thần, cả dây đã được dùng buộc con trâu tế cũng được lưu giữ ở đây. Không gian này là nơi trai làng son rỗi và người goá vợ ngủ lại, nơi đàn ông tề tựu và họp bàn việc làng, nơi tiếp khách chung... Chức năng của nó trong đời sống xã hội làng cũng giống như nhà *gươl* của người Cơ-tu, nhà rông của người Ba-na, Xơ-dăng. Tuy nhiên, như đã biết, người Bnoong không làm thành ngôi nhà công cộng tách riêng ra như ở các tộc đó, mà kết hợp với nhà ở, tuy vẫn dành cho nó một không gian riêng. Về phương diện này, cùng một tập quán cả làng ở trong ngôi nhà dài có thể ví tựa đoàn tàu hoả, người Co cũng dành một không gian của mặt bằng sinh hoạt cho các sinh hoạt chung, nhưng so với ở người Bnoong, nó chiếm tỷ lệ diện tích lớn hơn, gồm toàn bộ phần chia dọc nhà, ở về một bên đường hành lang thông từ cửa đầu này sang cửa đầu kia của ngôi nhà(7).

Một đặc điểm cư trú cổ truyền khác của người Bnoong là chỗ ở của các gia đình phân bố đôi bên đường hành lang chạy dọc nhà. Hãy lấy ngôi nhà dài nhất và được nhận xét là “kiểu cũ nhất” còn thấy năm 1978 ở làng Chà Vang làm ví dụ. Từ gian chung, đường hành lang (*plua*) xuyên đôi ngả thẳng về 2 đầu hồi. Đó là lối đi lại trong nhà, được bắc bằng cây lát dọc và ken dây chắc chắn, tạo thành cái sàn rất dài nhưng chỉ rộng khoảng  $0,75-0,80m$ , thấp hơn mặt sàn gian nhà chung  $0,95m$ . Tất cả 25 hộ ở 2 bên đường hành lang ấy : một phía có 12 hộ, còn phía đối diện có 13 hộ (xem sơ đồ 4). Vì đường hành lang tuy tương ứng với đường nóc, nhưng theo chiều rộng nhà thì lệch về một phía, nên chiều sâu nhà của các hộ không cân bằng nhau giữa 2 phía. Tuy vậy, tất cả đều mở 2 cửa ra vào đối nhau : một thông với đường hành lang, và một trông ra ngoài nhà. Sàn nhà 13 hộ phía này ngang bằng đường hành lang, còn ở phía 12 hộ khác lại cao hơn khoảng  $0,75m$  (xem lại sơ đồ 3).



Sơ đồ 4 : Phân bố cư trú trong nhà dài làng Chà Vang

Với lối bố trí cư trú như vậy, ngôi nhà phải có chiều ngang đủ rộng cần thiết, ví dụ : một ngôi nhà ở làng Dòn rộng  $8,30m$ , ngôi nhà ở làng Chà Vang vừa nói rộng tới  $9,40m$ . Hình thức chuyển biến từ kiểu nhà này được quan sát thấy như sau : Có một số tuy đã làm nhà trệt, nhưng vẫn giữ tập quán như ở ngôi nhà dài làng Chà Vang; trong khi đó, một số khác tuy còn duy trì tập quán ở về 2 nửa nhà như thế, nhưng đã bỏ đường hành lang, thay vào đó là vách ngăn; đồng thời, dạng thứ 3 là nhà chia thông ngang, mỗi hộ ở trọn một gian, không chia dọc nhà như nếp cũ nữa. Ngoài ra, xu hướng chung là ngôi nhà dài ngày càng bị thay thế bằng những nhà ngắn, và loại nhà trệt của một hay vài

bốn gia đình xuất hiện nhiều dần lên - Càng ở những nơi gần thị trấn, gần đường lớn, quá trình ấy diễn ra càng nhanh chóng hơn, thậm chí một số người đã tiếp thu kiểu nhà người Kinh trong vùng.

Nhà dài kiểu truyền thống Bnoong tập hợp nhiều gia đình. Họ gắn bó sâu sắc với nhau về nhiều phương diện : kinh tế, địa vực cư trú và làm ăn sinh sống, nếp sống tự quản làng, tâm lý cộng đồng làng, nhiều gia đình có thêm những mối liên hệ họ hàng thân thuộc hay thông gia với nhau nữa... Song, có thể nói, xã hội nhà dài Bnoong đã vượt qua giai đoạn xã hội tổ chức theo nguyên tắc huyết thống để chuyển sang giai đoạn được dân tộc học gọi là công xã láng giềng. ở vùng Bnoong, sự co cụm, cố kết dân làng trong óc nhà dài còn có phần liên quan đặc biệt đến lý do an ninh. Xưa kia, khu vực này hay xảy ra nạn tàn sát giữa những làng khác nhau, đồng tộc và khác tộc, khiến họ luôn lo sợ và phải chú trọng tự vệ. Một cán bộ huyện đã hoạt động lâu ở Phước Sơn cho hay : tính trong vòng 15 năm kể từ khoảng 1935-1936 trở đi, có tới 30 làng bị triệt hạ do sát phạt. Tình trạng đó khiến các gia đình phải cùng dựa vào nhau để đối phó; ban đêm họ hầu như không ra khỏi nhà và mọi sinh hoạt đều trong ngôi nhà dài. Cho nên, kết cấu đường hành lang chạy dọc nhà, thông từ gian nhà chung đến chỗ ở của mỗi hộ gia đình ở 2 bên và thông ra 2 đầu nhà là hợp lý và thiết thực đối với họ.

Mặc dù sống chung dưới một nóc nhà, nhưng từng gia đình tự lo việc dựng cho mình một phần không gian riêng trong đó. Chỉ có gian công cộng được dân làng cùng nhau góp sức và làm trước tiên; gia đình ông già làng thường ở một trong 4 vị trí kê cạnh 2 bên gian này. Sau đó, lần lượt các hộ làm nối tiếp ra, kể cả đường hành lang cũng thế. Đương nhiên, họ giúp đỡ nhau, cũng như trong nhiều công việc khác. Song, do vậy, có hộ làm rộng hơn, có hộ nhà nhỏ hơn (xem lại sơ đồ 4) và có thể hộ này lợp lá mây, thưng vách vỏ cây, hộ kia lợp lá xep, thưng vách tre lồ ô... Khi số hộ tăng lên, ngôi nhà tiếp tục được nối dài về 2 đầu.

Bố trí nội thất của các gia đình cơ bản giống nhau. "Căn hộ" (phòng ở) hình chữ nhật, với diện tích phổ biến từ 12m<sup>2</sup> đến 18 m<sup>2</sup> - Đó là không gian riêng trong ngôi nhà chung, đáp ứng nhu cầu chỗ ngủ, chỗ cất đặt đồ đạc, làm bếp (xem sơ đồ 5)

**Ghi chú:**

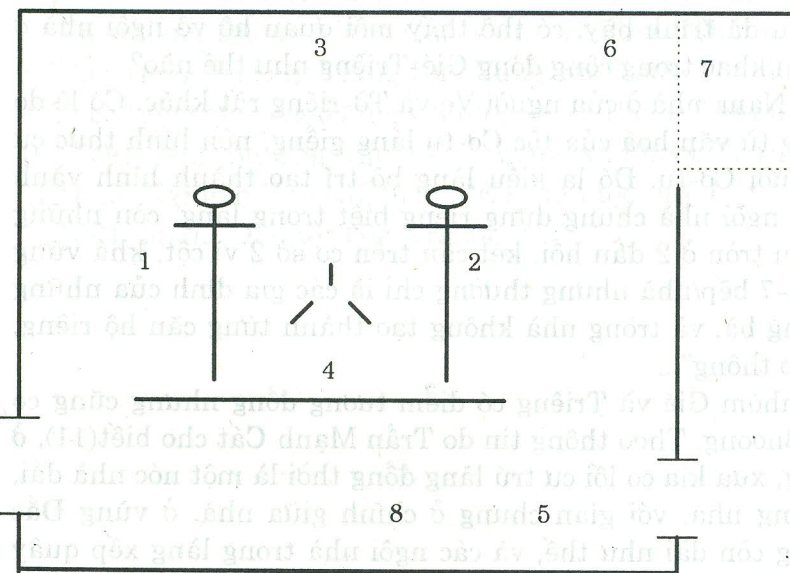
1. Chỗ nằm của vợ chồng gia chủ
2. Chỗ nằm của vợ chồng con gái.
3. Chỗ để nồi xoong.
4. Chỗ để nước sạch.
5. Chỗ để rau lợn.
6. Chỗ để gửi đựng thóc, ngô.
7. Chỗ để ché, chiêng đồng, nồi đồng.
8. Cối giã.

— Liếp che.

—○ Hướng nằm

— \ / Bếp lửa.

— | — | Cửa ra vào.



Sơ đồ 5 : Bố trí trong nhà ông Năng (làng Luôn)

Ở người Bnoong 20 năm trước, hình thức gia đình nhỏ với một bếp đã phát triển, tuy

nhiên kiểu gia đình có 2 cặp vợ chồng với 2 bếp còn tồn tại không ít. Song, mỗi “căn hộ” là của một gia đình. Đồ đạc trong đó không nhiều. (Thóc đã có kho chứa riêng bên ngoài. Chiêng, công, ché, nồi đồng thuộc loại tài sản quý nhưng trước kia thường để ở rừng). Việc sử dụng không gian trong nhà khá đơn giản. Khu vực bếp và quanh bếp chiếm phần diện tích khá lớn. Bếp là một ô vuông (cạnh khoảng 0,90m) trên sàn nhà, nơi nấu nướng và giữ lửa, có nền đất đắp với 3 đầu rau bằng đá. Phía ngoài bếp một chút, người ta dựng tấm phên chắn (*tờ-ne*) cao hơn 1 mét, dài chừng 2 mét, che cho khu bếp kín đáo và tránh bị thốc gió từ ngoài cửa vào. Tấm phên này được khuôn 2 đầu bởi 2 cây cột cao đến mái, gọi là *loong chok pra lua(8)*- cột “thiên”, chỗ hành lễ khi có cúng bái, đồng thời là chỗ uống rượu khi gia đình có việc. Nếu làm gian nhà chung, 2 cột cái ở giữa được dựng trước tiên, thì với nhà của từng hộ, cũng phải dựng 2 cột “thiên” đó rồi mới đến các cột khác, tiếp đến làm khung sàn, và đến các bộ phận khác trên mái - nóc... Để tận dụng khói và hơi lửa của bếp bốc lên, người Bnoong làm ở phía trên bếp một cái giàn (*pra bầu(9)*) tương ứng với khuôn bếp, chủ yếu dùng để sấy thóc, cá, thịt; còn ở trên cao hơn nữa là gác bếp (*pra lua(10)*) thường rộng bằng 1/2 diện tích sàn nhà hoặc hơn nữa, kể từ 2 cột “thiên” trở vào phía trong, dùng để cất củi, cau khô, ngô giống, phơi thuốc lá, v.v. Quanh bếp không chỉ là chỗ ngồi nấu nướng, ăn uống, sưởi ấm, hút thuốc mà còn là chỗ ngủ và nằm nghỉ của các thành viên trong gia đình. Họ nằm 2 bên bếp lửa, ngay trên sàn nhà, chân hướng về phía tấm phên chắn đã nói đến, tức là nằm dọc theo chiều dài của ngôi nhà; nếu có 2 cặp vợ chồng thì mỗi cặp nằm riêng về một bên bếp. Trên vách thường cài dao các loại, rìu, để lấy dùng cho tiện. Dựa theo vách, nhiều nhà còn căng dây hay buộc sào để vắt đồ mặc, chiếu, treo túi, hoặc làm giàn để bát đĩa - đương nhiên không phải với tất cả 4 vách trong nhà. Có gia đình làm thêm cái giàn ra phía ngoài, từ lưng chừng vách bên ra đến mái nhà, để cất đặt của cải như ché, chiêng, nồi đồng. Ngoài ra, vị trí của những vật dụng khác có thể xem qua ví dụ được thể hiện ở sơ đồ 5.

Như vậy, từ những tư liệu đã trình bày, có thể thấy mối quan hệ về ngôi nhà ở giữa nhóm Bnoong với các nhóm khác trong cộng đồng Gié-Triêng như thế nào?

Trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, nhà ở của người Ve và Tờ-riêng rất khác. Có lẽ do đã tiếp thu sâu đậm ảnh hưởng từ văn hoá của tộc Cơ-tu láng giềng, nên hình thức cư trú của họ đều gần gũi với người Cơ-tu. Đó là kiểu làng bố trí tạo thành hình vành khuyên, hoặc gần như thế, với ngôi nhà chung dựng riêng biệt trong làng, còn những ngôi nhà ở thì có mái uốn khum tròn ở 2 đầu hồi, kết cấu trên cơ sở 2 vì cột, khá vững chãi, cũng bao gồm có thể tới 5-7 bếp/nhà nhưng thường chỉ là các gia đình của những người đàn ông cùng cha mẹ, ông bà, và trong nhà không tạo thành từng căn hộ riêng, không có đường hành lang “giao thông”...

Bên Kon Tum, nhà của nhóm Gié và Triêng có điểm tương đồng nhưng cũng có nhiều nét khác biệt với người Bnoong. Theo thông tin do Trần Mạnh Cát cho biết(11), ở vùng Xóp Nghét, Mường Hoong, xưa kia có lối cư trú làng đồng thời là một nóc nhà dài, với đường hành lang chạy trong nhà, với gian chung ở chính giữa nhà. ở vùng Đắc Nông, Đắc Môn, tuy nhà không còn dài như thế, và các ngôi nhà trong làng xếp quay thành vòng tròn hoặc hình tứ giác, nhưng trong nhà vẫn có hành lang, có gian chung thường ở đầu nhà đằng Đông...

Nếu ngược xa về quá khứ một chút, rất có thể vào những thập niên nửa đầu thế kỷ

XX đã có sự giống nhau nhiều về nhà ở giữa người Bnoong với người Gié và Triêng. Dần dần về sau, những đổi thay tác động đối với mỗi vùng đã tạo ra một số nét khác nhau, và ngày càng khác nhau. Cho nên, trên đại thể, có thể xem ngôi nhà dài như còn thấy được năm 1978 tại làng Chà Vang không chỉ là một ngôi nhà cổ truyền của nhóm Bnoong, mà còn là hình ảnh của ngôi nhà cổ truyền ở những vùng như Xốp Nghét, Mường Hoong, và cả Đắc Nông, Đắc Môn v.v. nữa trên địa bàn bắc Kon Tum ./.

### Chú thích

1. Tên Bnoong có khi được viết là Bha Noong, Ba-noong, Bơ-noong, Mnoong, Pnoong, v.v.
2. Vũ Lợi : *"Về nhóm người gọi là Ba noong ở Quảng Nam-Đà Nẵng"*, Tạp chí Dân tộc học, số 4-1979, tr.84-90.  
- Lưu Hùng : *"Tục để trong rừng của người Bnoong"*, Tạp chí Khoa học và Phụ nữ, số 3-1993, tr.33-34.
3. Vũ Lợi, đã dẫn.
4. Ví dụ : Ở làng X, ông A là trưởng nóc, vậy khi nói đến nóc ông A người ta hiểu ngay đó là làng X, hay khi nói đến làng X tức là nói đến nóc ông A.
5. Có nơi, như ở làng Dòn, nhà chung chiếm vị trí đầu nhà, nằm về một bên đường hành lang, chứ không bao gồm cả gian, và chỉ có một cột cái. Ở làng Luôn, nhà chung là cả một gian, nhưng cũng chỉ có 1 cột cái ở giữa. Có nơi, người ta đã dựng riêng một căn nhà nhỏ đơn sơ tách khỏi nhà ở để dùng làm nơi hội họp, như ở làng Song Mãi mà chúng tôi đã gặp
6. Lưu Hùng : *"Dân tộc Co"*, trong sách *"Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Nam)"* của Viện Dân tộc học, NXB KHXH, H., 1984, tr.190-191
7. Theo tiếng Bnoong ở làng Chà Vang, xã Phước Thành.
8. Theo tiếng Bnoong ở làng Chà Vang, xã Phước Thành.
9. Theo tiếng Bnoong ở làng Chà Vang, xã Phước Thành.
10. Theo tiếng Bnoong ở làng Chà Vang, xã Phước Thành.
11. Đặng Nghiêm Vạn chủ biên : *"Các dân tộc tỉnh Gia Lai-Công Tum"*. Nxb KHXH, H, 1981, phần "Dân tộc Gié-Triêng